

Số: 12/2025/CV-VECAS
v/v Hướng dẫn cấp chứng chỉ
năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

HƯỚNG DẪN

Về việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II và hạng III cho tổ chức là Hội viên Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam

Căn cứ Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam được phê duyệt kèm theo Quyết định số 1000/QĐ-BNV ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-BXD ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận Tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức là Hội viên của Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam;

Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam hướng dẫn việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II và hạng III cho tổ chức là Hội viên của Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam như sau:

I. Đối tượng được cấp chứng chỉ

Hướng dẫn này áp dụng trong phạm vi Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam. Hiệp hội cấp chứng chỉ năng lực cho tổ chức là hội viên, thành viên được kết nạp trước thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ năng lực tối thiểu 03 tháng, đáp ứng đầy đủ các điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II và hạng III quy định tại Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ (sau đây gọi là NĐ 175/2024/NĐ-CP);

II. Lĩnh vực hoạt động xây dựng Hiệp hội được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng

Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho tổ chức là Hội viên của Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam đối với các lĩnh vực hoạt động xây dựng như sau:

1. Khảo sát xây dựng, bao gồm:

- 1.1. Khảo sát địa hình
- 1.2. Khảo sát địa chất công trình

2. Lập thiết kế quy hoạch xây dựng

3. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, bao gồm:

- 3.1. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng – nhà công nghiệp



3.2. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản

3.3. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp dầu khí

3.4. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng (không bao gồm các nội dung về công nghệ thuộc chuyên ngành điện), gồm:

3.4.1. Nhiệt điện, điện địa nhiệt

3.4.2. Điện hạt nhân

3.4.3. Thủy điện

3.4.4. Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều

3.4.5. Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas

3.4.6. Đường dây và trạm biến áp

3.5. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông, gồm:

3.5.1. Đường bộ

3.5.2. Đường sắt

3.5.3. Cầu - hầm

3.5.4. Đường thủy nội địa, hàng hải

3.6. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)

3.7. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật:

3.7.1. Cấp nước, thoát nước

3.7.2. Xử lý chất thải

3.8. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền, móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;..)

4. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng

5. Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, bao gồm giám sát công tác xây dựng và giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình:

5.1. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp - hạ tầng kỹ thuật

5.2. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông

5.3. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn

5.4. Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình

III. Điều kiện để cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức:

1. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng và chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng được quy định tại Điều 94 NĐ 175/2024/NĐ-CP.

2. Điều kiện chung để cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng bao gồm điều kiện về kinh nghiệm thực hiện công việc của tổ chức và điều kiện về năng lực hoạt động xây dựng của các cá nhân là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động, đáp ứng yêu cầu năng lực hoạt động xây dựng đối với loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực được quy định tại Điều 98 NĐ 175/2024/NĐ-CP.

3. Điều kiện về kinh nghiệm thực hiện công việc của tổ chức

a) Kinh nghiệm của tổ chức được xác định là phù hợp khi công việc thực hiện theo nội dung kê khai đáp ứng các điều kiện: thuộc ngành, nghề kinh doanh của tổ chức đã được cấp; đã được nghiệm thu theo quy định; được thực hiện phù hợp với lĩnh vực hoạt động, hạng năng lực và trong thời hạn hiệu lực của chứng chỉ năng lực đã được cấp. Trường hợp kinh nghiệm của tổ chức được thực hiện trong thời gian không yêu cầu chứng chỉ

năng lực thì phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của tổ chức đã được cấp và không quá 10 năm tính từ thời điểm ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực. Ngành, nghề kinh doanh của tổ chức được xác định là phù hợp khi có lĩnh vực hoạt động đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Trường hợp tổ chức chỉ thực hiện hoạt động xây dựng đối với các công việc xây dựng chuyên biệt thì được đánh giá cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với công việc xây dựng chuyên biệt thuộc công trình xây dựng đó;

c) Trường hợp tổ chức được chia tách, sáp nhập, hợp nhất thì được kế thừa nhân sự, kinh nghiệm nêu trong thỏa thuận chia tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

d) Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hạng III thì không yêu cầu chứng minh kinh nghiệm thực hiện công việc.

4. Điều kiện về nhân sự của tổ chức:

a) Tổ chức được xác định có đủ điều kiện về nhân sự khi có các cá nhân là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động đáp ứng yêu cầu năng lực hoạt động xây dựng đối với loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Mỗi cá nhân thuộc tổ chức được đảm nhận một hoặc nhiều chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng được điều kiện năng lực tương ứng theo quy định.

c) Cá nhân đảm nhận chức danh phải có chứng chỉ hành nghề đối với lĩnh vực hoặc loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục VII NĐ 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với loại công trình và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.

d) Cá nhân tham gia thực hiện công việc thuộc tổ chức là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động, được xác định là đáp ứng yêu cầu đối với lĩnh vực hoặc loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khi có trình độ chuyên môn được đào tạo tương ứng theo quy định tại Phụ lục VI NĐ 175/2024/NĐ-CP phù hợp với công việc đảm nhận.

5. Điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát xây dựng được quy định tại Điều 102; Yêu cầu đối với cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực quy định tại khoản 5a Điều 98 NĐ 175/2024/NĐ-CP.

6. Điều kiện năng lực của tổ chức lập thiết kế quy hoạch xây dựng được quy định tại Điều 103; Yêu cầu đối với cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực quy định tại khoản 5b Điều 98 NĐ 175/2024/NĐ-CP.

7. Điều kiện năng lực của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng được quy định tại Điều 104; Yêu cầu đối với cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực quy định tại các khoản 5c, 5d, 5đ, 5e, 5g và 5h Điều 98 NĐ 175/2024/NĐ-CP.

8. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng được quy định tại Điều 105; Yêu cầu đối với cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực quy định tại khoản 5i Điều 98 NĐ 175/2024/NĐ-CP.

9. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng được quy định tại Điều 107; Yêu cầu đối với cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực quy định tại khoản 5l Điều 98 NĐ 175/2024/NĐ-CP.

10. Cấp công trình khi đánh giá kinh nghiệm và xác định phạm vi hoạt động xây dựng đối với các lĩnh vực hoạt động xây dựng của tổ chức được xác định theo quy định của pháp luật về phân cấp công trình xây dựng. Riêng đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp công trình được xác định theo tiêu chí về quy mô kết cấu của quy định về phân cấp công trình.

IV. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng được quy định tại Điều 99 ND 175/2024/ND-CP gồm:

4.1. Hồ sơ đề nghị cấp mới chứng chỉ năng lực bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 03 Phụ lục IV ND 175/2024/ND-CP;

b) Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập;

c) Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức còn thời hạn hoặc thỏa thuận theo pháp luật Dân sự về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát địa chất công trình);

d) Chứng từ hoặc hợp đồng thuê, mua máy, thiết bị kê khai trong đơn (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng);

đ) Kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực đối với cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; văn bằng được đào tạo của các cá nhân tham gia thực hiện công việc; Hợp đồng lao động và giấy tờ liên quan đến bảo hiểm xã hội của cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức;

e) Chứng chỉ năng lực của đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

g) Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai hoặc thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng, lập thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng II;

h) Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng đã thực hiện theo nội dung kê khai hoặc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng II; quyết định phê duyệt dự án hoặc giấy phép xây dựng công trình có thông tin về nhóm dự án; loại, cấp công trình; quy mô kết cấu, công suất, vị trí xây dựng của hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình được kê khai;

i) Tài liệu liên quan đến nội dung về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất của tổ chức (đối với trường hợp tổ chức được chia, tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp).

4.2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 03 Phụ lục IV ND 175/2024/ND-CP;

b) Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp trong trường hợp chứng chỉ năng lực ghi sai thông tin hoặc điều chỉnh, bổ sung thông tin tổ chức;

c) Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung trong trường hợp đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin tổ chức;

d) Bản cam kết của tổ chức về tính chính xác của nguyên nhân và thời điểm bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực do bị mất hoặc hư hỏng.

4.3. Hình thức tài liệu trong hồ sơ xin cấp chứng chỉ năng lực

Các tài liệu kèm theo Đơn theo quy định tại khoản 4.1 và khoản 4.2 của mục IV này phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định.

Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện kê khai trung thực hồ sơ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, hợp pháp của các tài liệu trong hồ sơ do đơn vị cung cấp khi đề nghị Hiệp hội xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

V. Trình tự nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực và quy định về xét, cấp, thu hồi chứng chỉ năng lực:

5.1 Tiếp nhận hồ sơ

Các đơn vị lập hồ sơ theo quy định tại mục IV của bản hướng dẫn này, mỗi lĩnh vực đề nghị xét cấp chứng chỉ năng lực là một bộ hồ sơ, gửi về Hiệp hội qua hệ thống trực tuyến theo địa chỉ đường link:

<https://chungchi.vecas.org.vn/dang-ky/cc-nang-luc-hoat-dong-to-chuc>

5.2 Xem xét, đánh giá, quyết định cấp chứng chỉ năng lực

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực trong thời hạn 20 ngày đối với trường hợp cấp mới chứng chỉ năng lực; trong thời hạn 10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ năng lực.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Hiệp hội sẽ thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo hình thức thông báo qua email của đơn vị.

Những chứng chỉ năng lực đã được cấp, Hiệp hội sẽ trả trực tiếp cho đơn vị tại Văn phòng Hiệp hội (người đại diện đơn vị đến nhận mang theo giấy giới thiệu của đơn vị) hoặc gửi qua Bưu điện theo đăng ký của tổ chức Hội viên (đơn vị tự chịu chi phí).

Thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức hoạt động xây dựng đã được cấp chứng chỉ được đăng tải công khai trên Website của Hiệp hội và tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo quy định tại Điều 110 NĐ 175/2024/NĐ-CP.

Thời gian thực hiện đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng không quá 05 ngày, kể từ ngày cấp chứng chỉ.

5.3 Thu hồi chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:

Việc thu hồi, thẩm quyền và trình tự thu hồi chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 và Điều 100 của NĐ 175/2024/NĐ-CP.

VI. Quyền và nghĩa vụ của Tổ chức Hội viên Hiệp hội:

Đảm bảo tư cách và nghĩa vụ Hội viên Hiệp hội;

Khai báo trung thực hồ sơ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, hợp pháp của các tài liệu trong hồ sơ do đơn vị cung cấp khi đề nghị Hiệp hội xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng;

Đảm bảo các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 101 Nghị định 175/2024/NĐ-CP.

Đảm bảo nghĩa vụ chi phí xét cấp chứng chỉ năng lực theo quy định tại văn bản hướng dẫn này.

VII. Chi phí cấp chứng chỉ năng lực:

Các đơn vị có trách nhiệm đảm bảo nghĩa vụ chi phí xét cấp chứng chỉ năng lực theo quy định của Hiệp hội.

1. Chi phí cấp chứng chỉ:

- Chi phí cho một lĩnh vực đầu tiên là 3.000.000đ
- Chi phí cho một lĩnh vực từ lĩnh vực thứ hai trở lên là 2.000.000 đồng
- Chi phí cấp lại chứng chỉ: được tính bằng $\frac{1}{2}$ chi phí cấp chứng chỉ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải đánh giá lại nhiều lần, phải nộp phí đánh giá hồ sơ là: 1.000.000 đồng/lần/1 lĩnh vực (từ lần nộp thứ 3 trở đi).

VIII. Điều khoản thi hành:

Văn bản hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày ban hành và thay thế văn bản hướng dẫn số 64/2023/CV-VECAS ngày 25/8/2023 của Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam hướng dẫn về việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II và hạng III cho tổ chức là Hội viên của Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam.

Nơi nhận:

- Các đơn vị Hội viên Hiệp hội
- Cục quản lý hoạt động xây dựng - BXD
- Chủ tịch Hiệp hội (đề báo cáo)
- Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực
- Lưu văn thư



**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Số điện thoại: Số fax:
4. Email: Website:
5. Người đại diện theo pháp luật⁽¹⁾:
Họ và tên: Chức vụ:
6. Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:
- Nơi cấp: Ngày cấp:
7. Ngành nghề kinh doanh chính:
8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):
Số Chứng chỉ: Ngày cấp Nơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức
 - a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

| STT | Họ và tên | Vị trí/Chức danh | Số chứng chỉ hành nghề | Điện thoại liên hệ |
|-----|-----------|------------------|------------------------|--------------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

- b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

| STT | Họ và tên | Vị trí/chức danh | Trình độ chuyên môn | Điện thoại liên hệ của cá nhân |
|-----|-----------|------------------|---------------------|--------------------------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

| STT | Nội dung hoạt động xây dựng (ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu; nội dung công việc thực hiện; ký hiệu, ngày, tháng, năm của hợp đồng thực hiện công việc). | Thông tin dự án/công trình (Ghi rõ tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; quy mô kết cấu, công suất, vị trí xây dựng) | Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ) | Ghi chú |
|-----|--|--|--|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

11. Kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

| STT | Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công | Số lượng | Công suất | Tính năng | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Sở hữu của tổ chức hay đi thuê | Chất lượng sử dụng hiện nay |
|-----|---|----------|-----------|-----------|---------------|--------------|--------------------------------|-----------------------------|
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động: Hạng:

Cấp mới

Cấp lại chứng chỉ năng lực ⁽²⁾

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và các nội dung kê khai trong đơn và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Thay thế các thông tin người đại diện theo pháp luật (họ và tên, chức vụ), địa chỉ trụ sở chính; ngành nghề kinh doanh chính bằng mã số doanh nghiệp đối với tổ chức đã được cấp mã số doanh nghiệp.

(2) Không yêu cầu kê khai Mục 9,10 và 11 trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực.

